TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **282**/2023/DS-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Bà Dương Thị Thu Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Phan Phạm Mỹ H,** sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp 2, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: 1/ **Trần Nhật Q**, sinh năm: 1986

2/ **Trần Thị Tuyết M**, sinh năm: 1961

Địa chỉ: ấp CX, xã TP, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị H có mặt; Anh Q và bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Phạm Mỹ H trình bày:

Do quen biết, vào ngày 20/6/2022 chị H có cho anh Trần Nhựt Q vay số tiền là 5.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,3%/tháng, thời hạn vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói là khi nào chị H cần lấy lại tiền thì thông báo cho anh Q biết trước. Việc vay tiền có viết biên nhận và anh Q có ký tên xác nhận.

Đến ngày 18/8/2022 anh Q vay tiếp của chị H số tiền là 150.000.000đồng, không lãi, thỏa thuận bằng lời nói là khi nào chị H cần lấy tiền thì thông báo cho anh Q biết trước. Việc vay tiền có viết biên nhận và mẹ ruột anh Q là bà Trần Thị Tuyết M là người ký tên vào biên nhận. Đến ngày 29/10/2022 chị H hẹn gặp anh Q và hai bên viết lại biên nhận, theo đó số tiền vay của hai lần vay tiền vào ngày 20/6/2022 và ngày 18/8/2022 được cộng dồn lại là 155.000.000đồng vào trong một biên nhận, thỏa thuận không lãi, thỏa thuận thời hạn trả vốn là vào ngày 11 hàng tháng, mỗi tháng anh Q trả cho chị H số tiền là 5.000.000đồng. Từ ngày viết lại biên nhận 29/10/2022 anh Q có trả cho chị H được số tiền vốn là 35.000.000đồng rồi ngưng luôn đến nay. Chị H nhiều lần đến nhà yêu cầu anh Q trả số tiền còn nợ lại là 120.000.000đồng nhưng anh Q luôn cố tình né tránh.

Đến ngày 21/4/2023 bà Trần Thị Tuyết M đồng ý cùng Q trả cho chị H số tiền còn nợ lại là 120.000.000đồng, xin trả mỗi tháng 5.000.000đồng vào ngày 11 hàng tháng, bà M có viết biên nhận và ký tên. Tuy nhiên từ ngày viết biên nhận cho đến nay bà M và anh Q vẫn không trả tiền cho chị H. Nay chị H yêu cầu bà Trần Thị Tuyết M và anh Trần Nhựt Q có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 120.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M và anh Trần Nhựt Q dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M và anh Trần Nhựt Q dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Xét thấy vào năm 2022 chị Phan Phạm Mỹ H có cho anh Trần Nhựt Q vay số tiền là 155.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả vốn là vào ngày 11 hàng tháng, mỗi tháng anh Q trả cho chị H số tiền là 5.000.000đồng. Anh Q đã thực hiện trả được số tiền 35.000.000đồng còn nợ lại số tiền 120.000.000đồng thì ngưng. Ngày 21/4/2023 bà Trần Thị Tuyết M đồng ý cùng Q trả cho chị H số tiền còn nợ lại là 120.000.000đồng, xin trả mỗi tháng 5.000.000đồng vào ngày 11 hàng tháng. Tuy nhiên đến hạn trả tiền bà M và anh Q vẫn không thực hiện, do đó chị H yêu cầu bà M và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 120.000.000đồng. Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M và anh Trần Nhựt Q vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà M và anh Q không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xét yêu cầu của chị H là có cơ sở, bởi lẻ căn cứ vào "Giấy cho vay tiền" ngày 20/6/2022, "Giấy cho vay tiền" ngày 18/8/2022, "Biên nhận mượn tiền" ngày 29/10/2022 và "Biên nhận mượn tiền" ngày 21/4/2023 có ghi thời điểm xác lập hợp đồng, số tiền vay, thời hạn trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện qua việc bà M và anh Q đồng ý ký tên vào biên nhận. Quá trình thực hiện bà M và anh Q đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ của bên vay, chị H có tạo điều kiện cho bà M và anh Q trả nợ nhưng bà M và anh Q né tránh không thực hiện kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho chị H. Do đó cần buộc bà M và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 120.000.000đồng trong một thời gian nhất định. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp

nhận.

- Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Phạm Mỹ H.

Buộc bà Trần Thị Tuyết M và anh Trần Nhựt Q có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Phạm Mỹ H số tiền là 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà M và anh Q chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết M và anh Trần Nhựt Q phải chịu 6.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn lại cho chị Phan Phạm Mỹ H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000đồng theo biên lai thu số 0021738 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh